

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

**THÔNG TƯ
Quy định về xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp; Thông tư số 01/2012/TT-BNV ngày 16/01/2012 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về nguyên tắc, điều kiện, quy trình, thủ tục xét và tổ chức trao tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam (sau đây gọi tắt là Giải thưởng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tập thể, cá nhân có sản phẩm tham dự Giải thưởng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc xét tặng

1. Việc xét tặng Giải thưởng phải được thực hiện đúng đối tượng, điều kiện, quy trình xét tặng được quy định tại Thông tư này; đảm bảo chính xác, công khai, dân chủ, khách quan.

2. Giải thưởng ghi nhận và tôn vinh những tập thể, cá nhân có sản phẩm tiêu biểu, xuất sắc, đóng góp xứng đáng cho sự phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Những sản phẩm đã được trao tặng Giải thưởng không được tham gia xét tặng trong những lần tiếp theo.

Điều 4. Hình thức, số lượng và cơ cấu Giải thưởng

1. Hình thức:

a) Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam là Giải thưởng duy nhất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để trao tặng cho các tập thể, cá nhân có sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện xét tặng được quy định tại Điều 5 của Thông tư này;

b) Giải thưởng được tổ chức xét tặng 03 (ba) năm một lần.

2. Sản phẩm tham gia xét tặng bao gồm 03 nhóm sau:

a) Nhóm sản phẩm là kết quả nghiên cứu khoa học: giống cây trồng nông lâm nghiệp; giống vật nuôi và thủy sản; các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích; công trình nghiên cứu khoa học, quy trình công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới;

b) Nhóm sản phẩm là hàng hóa tiêu dùng: sản phẩm nông, lâm, thủy sản, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị, thương hiệu hàng hóa có uy tín;

c) Nhóm các sản phẩm là những mô hình về tổ chức sản xuất, phát triển nông thôn.

3. Số lượng, cơ cấu Giải thưởng:

a) Mỗi lần xét trao tặng Giải thưởng cho tối đa 100 sản phẩm thuộc 03 nhóm đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Số lượng, cơ cấu giải thưởng cụ thể của từng nhóm đối tượng do Ban tổ chức Giải thưởng quy định trong mỗi lần tổ chức xét tặng Giải thưởng.

Chương II

ĐIỀU KIỆN VÀ QUY TRÌNH XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG

Điều 5. Điều kiện để xét tặng

Giải thưởng trao tặng cho các tập thể, cá nhân (tác giả, đồng tác giả) trong, ngoài ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, người nước ngoài làm việc tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện sau:

1. Có một trong những sản phẩm được quy định tại Khoản 2, Điều 4 của Thông tư này.

2. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận:

a) Các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích: được Cục Sở hữu trí tuệ Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận;

b) Kết quả công trình nghiên cứu khoa học: đã được Hội đồng Khoa học công nghệ cấp có thẩm quyền nghiệm thu đạt loại xuất sắc và được ứng dụng trong sản xuất trên quy mô lớn; có ít nhất 03 năm được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác nhận;

c) Các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp; giống vật nuôi và thủy sản; vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị, sản phẩm nông, lâm, thủy sản, sản phẩm thủ công mỹ nghệ: được áp dụng, triển khai vào sản xuất trong thời gian ít nhất 03 năm, được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác nhận;

d) Thương hiệu hàng hóa chất lượng cao, có uy tín: được cơ quan có thẩm quyền xác nhận;

đ) Các mô hình về tổ chức sản xuất, phát triển nông thôn đã được tổng kết đánh giá, thực tế kiểm nghiệm, có chiều hướng phát triển và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận.

3. Các sản phẩm được Hội đồng xét tặng chuyên ngành chấm điểm bình quân đạt tối thiểu từ 70 điểm trở lên (thang điểm tối đa là 100) mới đủ điều kiện trình Hội đồng xét tặng cấp Bộ xét, trình Bộ trưởng quyết định trao tặng giải thưởng (tiêu chí cụ thể của các nhóm sản phẩm được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

4. Không có tranh chấp về quyền tác giả, không có khiếu kiện, khiếu nại về năng suất, chất lượng của sản phẩm và không ảnh hưởng đến sức khỏe của người và môi trường.

5. Có đầy đủ tài liệu chứng minh những sản phẩm đó thuộc quyền sở hữu của tác giả hoặc đồng tác giả.

6. Sản phẩm của các tập thể, cá nhân đang trong thời gian thi hành các hình thức kỷ luật thì không được tham gia xét tặng Giải thưởng.

Điều 6. Quy trình xét và Quyết định tặng Giải thưởng

Quy trình xét tặng Giải thưởng được tổ chức qua hai cấp là cấp cơ sở và cấp Bộ.

1. Cấp cơ sở: Hội đồng xét tặng cấp cơ sở tổ chức họp xét, tham mưu cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành lập hồ sơ trình Bộ.

2. Cấp Bộ thực hiện theo 2 bước:

a) Bước 1: Hội đồng xét tặng chuyên ngành do Bộ trưởng quyết định thành lập, có nhiệm vụ xét, chấm điểm các sản phẩm do cấp cơ sở trình;

b) Bước 2: Hội đồng xét tặng cấp Bộ do Bộ trưởng quyết định thành lập, có nhiệm vụ xét chọn các sản phẩm do Hội đồng xét tặng chuyên ngành chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên.

3. Trên cơ sở danh sách do Hội đồng xét tặng cấp Bộ trình, Bộ trưởng xem xét, quyết định tặng Giải thưởng cho các tập thể, cá nhân.

Điều 7. Hội đồng xét tặng cấp cơ sở

1. Số lượng, thành phần:

Hội đồng xét tặng cấp cơ sở từ 5 - 7 thành viên do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thành lập. Cơ cấu thành viên Hội đồng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định trên cơ sở căn cứ vào tình hình thực tế của mỗi cơ quan, đơn vị.

2. Nhiệm vụ:

Hội đồng xét tặng cấp cơ sở có nhiệm vụ họp, xét chọn các sản phẩm của tập thể, cá nhân đạt đủ điều kiện được quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

3. Nguyên tắc hoạt động:

Các phiên họp được coi là họp lệ khi 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt. Các sản phẩm được xét trình Bộ khi có 100% số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu nhất trí.

Điều 8. Hội đồng xét tặng chuyên ngành

1. Số lượng, thành phần:

Mỗi Hội đồng xét tặng chuyên ngành có từ 9 - 13 thành viên là lãnh đạo các cơ quan, đơn vị liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín, kinh nghiệm chuyên môn thuộc các lĩnh vực trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Bộ lựa chọn mời tham gia.

Căn cứ vào đề xuất của Cơ quan thường trực Giải thưởng tại mỗi lần tổ chức xét tặng, Bộ trưởng sẽ quyết định thành lập các Hội đồng xét tặng chuyên ngành.

2. Nhiệm vụ:

Hội đồng xét tặng chuyên ngành có nhiệm vụ họp, chấm điểm các sản phẩm do cấp cơ sở trình (theo các tiêu chí được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này);

Sau khi kết thúc phiên họp, Hội đồng xét tặng chuyên ngành phải có Biên bản, Báo cáo kết quả và kèm theo bảng tổng hợp kết quả chấm điểm để trình Hội đồng xét tặng cấp Bộ.

3. Nguyên tắc hoạt động:

Các thành viên Hội đồng xét tặng chuyên ngành làm việc theo nguyên tắc chấm điểm độc lập, thang chấm điểm tối thiểu là 1,0.

Các phiên họp của Hội đồng xét tặng chuyên ngành được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt. Các sản phẩm trình Hội đồng cấp Bộ phải đạt 70 điểm trở lên (điểm chấm bình quân của các thành viên Hội đồng).

Điều 9. Hội đồng xét tặng cấp Bộ

1. Thành phần:

a) Chủ tịch Hội đồng: Thứ trưởng phụ trách công tác thi đua khen thưởng.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

c) Các Ủy viên Hội đồng:

Chủ tịch Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;

Chánh Văn phòng Bộ;

Chánh Thanh tra Bộ;

Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Tổng biên tập Báo Nông nghiệp Việt Nam;

Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, phụ trách công tác thi đua khen thưởng;

Các Chủ tịch Hội đồng xét tặng chuyên ngành;

d) Thư ký Hội đồng: Trưởng phòng Phòng Thi đua, Khen thưởng, Vụ Tổ chức cán bộ.

Tại các phiên họp, Chủ tịch Hội đồng xét tặng cấp Bộ có thể mời thêm Lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan tham dự.

2. Chức năng:

Hội đồng xét tặng cấp Bộ có chức năng tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam cho tập thể, cá nhân có sản phẩm đạt giải trong mỗi lần tổ chức.

3. Nhiệm vụ:

Hội đồng xét tặng cấp Bộ họp, xét chọn những sản phẩm do Hội đồng xét tặng chuyên ngành đề cử.

Hội đồng xét tặng cấp Bộ lập Tờ trình kèm theo Biên bản, Bảng tổng hợp kết quả họp Hội đồng, trình Bộ trưởng xem xét quyết định tặng Giải thưởng.

4. Nguyên tắc hoạt động:

Các thành viên Hội đồng xét tặng cấp Bộ làm việc theo nguyên tắc bỏ phiếu kín.

Các phiên họp của Hội đồng xét tặng cấp Bộ được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 các thành viên dự họp. Các sản phẩm được xét trình Bộ trưởng xem xét quyết định khi đạt 80% số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu nhất trí.

Điều 10. Số lượng và thời gian nhận hồ sơ

1. Hồ sơ của tập thể, cá nhân gửi các cơ quan, đơn vị (cấp cơ sở) gồm 02 bộ bản chính, gồm có:

a) Bản đăng ký đề nghị xét tặng Giải thưởng (theo mẫu số 4 Phụ lục 1 của Thông tư này);

b) Báo cáo thuyết minh, mô tả sản phẩm (theo mẫu số 5 Phụ lục 1 của Thông tư này);

c) Văn bản xác nhận: được quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Thông tư này;

d) Các mẫu hình ảnh, tài liệu của sản phẩm;

đ) Bản sao các chứng nhận thành tích (nếu có);

e) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Hồ sơ của các cơ quan, đơn vị (cấp cơ sở) trình Bộ gồm 01 bộ bản chính, gồm có:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng Giải thưởng (theo mẫu số 1 Phụ lục 1 của Thông tư này);

b) Biên bản họp Hội đồng xét tặng cấp cơ sở (theo mẫu số 2 Phụ lục 1 của Thông tư này);

c) Danh sách đề nghị xét tặng Giải thưởng (theo mẫu số 3 Phụ lục 1 của Thông tư này);

d) Hồ sơ của tập thể, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ:

a) Tập thể, cá nhân gửi hồ sơ tham gia xét tặng Giải thưởng đến các cơ quan, đơn vị (cấp cơ sở) chậm nhất ngày 31/01 (tính theo dấu bưu điện) của năm tổ chức xét tặng Giải thưởng;

b) Hồ sơ do các cơ quan, đơn vị (cấp cơ sở) trình Bộ chậm nhất ngày 31/3 (tính theo dấu bưu điện) của năm tổ chức xét tặng Giải thưởng;

c) Nơi nhận hồ sơ: Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 2 Ngọc Hà, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Đối với những hồ sơ không hợp lệ, Vụ Tổ chức cán bộ thông báo tới cơ quan, đơn vị trình bằng văn bản và không trả lại hồ sơ.

Chương III**TỔ CHỨC LỄ TRAO TẶNG GIẢI THƯỞNG VÀ KINH PHÍ****Điều 11. Tổ chức Lễ trao tặng Giải thưởng**

1. Lễ trao tặng Giải thưởng được tổ chức vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Bộ Canh nông, nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ngày 14/11) của năm xét tặng Giải thưởng.

2. Lễ trao tặng Giải thưởng được tổ chức trang trọng, truyền thông rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để tôn vinh các tập thể, cá nhân.

Điều 12. Kinh phí

Kinh phí cho việc tổ chức Lễ trao tặng Giải thưởng, kinh phí kèm theo Giải thưởng và kinh phí cho hoạt động tuyên truyền quảng bá, tổ chức xét tặng và hoạt động thường xuyên của Hội đồng xét tặng chuyên ngành, Hội đồng xét tặng cấp Bộ từ nguồn kinh phí sau:

1. Nguồn kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Nguồn kinh phí tài trợ của các doanh nghiệp, tập thể, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 13. Quyền lợi của tập thể, cá nhân được tặng Giải thưởng

1. Được tặng Cúp Giải thưởng, Giấy chứng nhận Giải thưởng và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Được thưởng tiền hoặc hiện vật theo quy định hiện hành.

3. Được tuyên truyền, quảng bá hình ảnh sản phẩm đạt giải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Được khai thác, sử dụng Logo Giải thưởng kể từ khi được trao giải.

5. Được in ấn phẩm để quảng bá sản phẩm tại các thị trường trong nước và quốc tế.

Điều 14. Hủy quyết định tặng Giải thưởng và thu hồi hiện vật

1. Khi phát hiện tập thể, cá nhân không trung thực trong việc lập hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng thì bị hủy bỏ quyết định tặng Giải thưởng, bị thu hồi toàn bộ hiện vật, tiền thưởng và không được hưởng các quyền lợi sau khi được tặng Giải thưởng, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định.

2. Việc thu hồi Giải thưởng được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Giao Thủ trưởng đơn vị trình xét tặng Giải thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật, tiền thưởng giao nộp về Cơ quan thường trực Giải thưởng.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Tổ chức cán bộ là Cơ quan thường trực tổ chức Giải thưởng, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc xét tặng và tổ chức Lễ trao tặng Giải thưởng.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình phối hợp chặt chẽ với Vụ Tổ chức cán bộ định kỳ tổ chức Giải thưởng đạt chất lượng, kết quả cao.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch các Hội, Hiệp hội chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến, hướng dẫn các tập thể, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2014.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 10/2010/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Tổ chức cán bộ) để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

Phụ lục I
MẪU VĂN BẢN TRONG HỒ SƠ XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2014/TT-BNNPTNT
ngày 10 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn)

Mẫu số 1	Tờ trình đề nghị xét tặng Giải thưởng của Thủ trưởng đơn vị
Mẫu số 2	Biên bản họp Hội đồng xét tặng cấp cơ sở
Mẫu số 3	Danh sách đề nghị xét tặng Giải thưởng
Mẫu số 4	Bản đăng ký đề nghị xét tặng Giải thưởng
Mẫu số 5	Báo cáo thuyết minh, mô tả sản phẩm

Mẫu số 1**TÊN ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TTTr-...

Địa danh, ngày..... tháng..... năm 20.....

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Luật Thi đua, Khen thưởng;

Thực hiện Thông tư số.../2014/TT-BNN-TCCB, ngày.... tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam.

Căn cứ Bản đăng ký xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam của các tập thể, cá nhân.

Ngày..... tháng.... năm 20..., Hội đồng xét tặng cấp cơ sở (*tên đơn vị*) đã họp để xét đề nghị xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam năm..... Sau khi xem xét sản phẩm và đối chiếu với tiêu chuẩn, (*tên đơn vị*) đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét và trao tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam lần thứ..... năm.... cho..... tập thể,.... cá nhân.

Xin gửi kèm theo Biên bản họp Hội đồng xét tặng (*tên đơn vị*), Quyết định thành lập Hội đồng xét tặng Giải thưởng, danh sách đề nghị và các hồ sơ thủ tục theo quy định kèm theo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN ĐƠN VỊ
HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG GIẢI
THƯỜNG BÔNG LÚA VÀNG VN

Địa danh, ngày..... tháng... năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG CẤP CƠ SỞ
Về việc đề nghị xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam

Ngày..... tháng.... năm....., Hội đồng xét tặng cấp cơ sở (*tên đơn vị*) đã họp dưới sự chủ trì của (*họ và tên, chức danh người chủ trì*).

*** Thành phần:**

1. (*Họ và tên, chức danh người chủ trì*).....
2.
3.
4.
5. Thư ký

*** Nội dung:**

Xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam lần thứ..... năm.....

*** Cụ thể:**

.....

Các thành viên Hội đồng đã thảo luận và tiến hành bỏ phiếu kín, kết quả như sau:

- Sản phẩm..... của..... (tập thể, cá nhân) (.../... phiếu đạt ..%)
- Sản phẩm.....

*** Kết luận**

Sau khi xem xét, đối chiếu tiêu chuẩn, điều kiện, Hội đồng xét tặng (*tên đơn vị*) nhất trí đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam năm... cho... tập thể và cá nhân.

Biên bản này làm cơ sở đề lập Tờ trình trình Hội đồng xét tặng cấp Bộ./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(*Ký, ghi rõ họ tên*)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(*Ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 3**DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM***(Kèm theo tờ trình số:...../TTr-... ngày..... tháng... năm..... của đơn vị trình)*

Số TT	Tên đơn vị hoặc họ, tên cá nhân	Tên sản phẩm làm cơ sở đề nghị xét tặng Giải thưởng	Nhóm sản phẩm
1	<i>Ghi theo bản đăng ký dự xét giải thưởng</i>	<i>Ghi theo bản đăng ký dự xét giải thưởng</i>	<i>Ghi theo bản đăng ký dự xét giải thưởng</i>
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>			

Ghi chú:

- Không viết tắt chức vụ, chức danh;
- Đối với nhóm tác giả: ghi rõ danh sách từng thành viên tham gia làm ra sản phẩm.

Mẫu số 4**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày.... tháng.... năm 200...***BẢN ĐĂNG KÝ XÉT TẶNG
GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM LẦN THỨ..., NĂM.....**

Kính gửi: - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Hội đồng xét tặng Giải thưởng (đơn vị cấp dưới trực tiếp).

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH***Đối với tập thể, nhóm tác giả:***

- Tên đơn vị (nhóm tác giả): *(Ghi bằng chữ in hoa)*.....
- Địa chỉ trụ sở:.....
- Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

Đối với cá nhân

- Họ và tên:.....
- Chức vụ: *(ghi rõ là chủ nhiệm đề tài, công trình khoa học, người sản xuất ra sản phẩm...)*
- Địa chỉ trụ sở (nhà riêng):.....
- Điện thoại:; Fax:; Email:

II. NỘI DUNG

1. Đăng ký đề nghị tham gia xét tặng Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam cho sản phẩm:

- ***Tên sản phẩm:***
- ***Thuộc nhóm sản phẩm:***

2. Các tài khác có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (HOẶC CÁ NHÂN)*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 5
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
THUYẾT MINH, MÔ TẢ SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: (viết chữ in hoa)

I. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VỀ SẢN PHẨM

1. Quá trình phát triển sản phẩm:
2. Thuận lợi:
3. Khó khăn:

II. NỘI DUNG SẢN PHẨM:

Báo cáo thuyết minh, mô tả sản phẩm căn cứ vào các tiêu chí của từng nhóm sản phẩm đăng ký tham gia xét tặng Giải thưởng quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

Nội dung báo cáo thuyết minh, mô tả sản phẩm nêu rõ những ưu điểm nổi bật của sản phẩm, khả năng, hiệu quả ứng dụng của sản phẩm trên thị trường hoặc trong sản xuất, kết quả triển khai thực tiễn, hiệu quả đem lại nếu được áp dụng...

Phụ lục II
CÁC TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM
GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2014/TT-BNNPTNT
ngày 10 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn)

Mục 1. Nhóm sản phẩm là kết quả nghiên cứu khoa học

TT	Nội dung	Tổng điểm	Chi tiết
1	Sản phẩm có hàm lượng khoa học cao. Là sản phẩm mới, có tính sáng tạo không sao chép, lặp lại.	0 - 30	
2	Có khả năng thay thế sản phẩm đã có, dễ áp dụng vào thực tiễn trên quy mô lớn, thuận tiện và an toàn trong việc áp dụng.	0 - 25	
3	Mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.	0 - 25	
4	Tạo ra sản phẩm có thể thay thế nhập khẩu và có khả năng tham gia xuất khẩu.	0 - 10	
5	Thân thiện với môi trường và an toàn với con người.	0 - 10	
	Tổng cộng:	100	

Ghi chú: Thang điểm chấm theo hệ số 1,0

Mục 2. Nhóm sản phẩm là hàng hóa tiêu dùng

TT	Nội dung	Tổng điểm	Chi tiết
1	Sản phẩm có tính mới và sáng tạo	0 - 20	
2	Sản phẩm được sản xuất với số lượng lớn, được ứng dụng, phổ biến trên quy mô lớn	0 - 15	
3	Sản phẩm đạt năng suất, chất lượng, hình thức (mẫu mã), đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội	0 - 15	
4	Góp phần phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu, ngành nghề	0 - 15	
5	Sản phẩm có tính cạnh tranh, dễ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu	0 - 15	
6	Thân thiện với môi trường và đảm bảo an toàn cho người sử dụng	0 - 10	
7	Có giải pháp bảo vệ quyền lợi và khuyến khích người tiêu dùng tiêu thụ sản phẩm	0 - 10	
	Tổng cộng:	100	

Ghi chú: Thang điểm chấm theo hệ số 1,0

**Mục 3. Nhóm sản phẩm là các mô hình về tổ chức sản xuất,
phát triển nông thôn**

TT	Nội dung	Tổng điểm	Chi tiết
1	Mô hình được đưa vào sản xuất, kinh doanh, có hiệu quả, doanh thu hàng năm tăng từ 10% trở lên so với năm trước hoặc hiệu quả kinh tế tăng lên trên 10% so với sản xuất đại trà	0 - 20	
2	Kim ngạch xuất khẩu, lợi nhuận, nộp ngân sách tăng từ 10% đến 20% trở lên hoặc làm tăng hiệu quả kinh tế lên trên 10% của nông dân trên 1 đơn vị diện tích	0 - 20	
3	Mô hình độc đáo, chất lượng cao được người tiêu dùng tin nhiệm	0 - 20	
4	Mô hình có khả năng nhân rộng trong điều kiện hội nhập quốc tế	0 - 15	
5	Khai thác tốt tiềm năng về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa phương, thực hiện tốt chính sách giải quyết việc làm cho người lao động	0 - 15	
6	Đầu tư công nghệ, trang thiết bị tiên tiến để tăng năng suất lao động và bảo vệ môi trường làm việc, môi trường sinh thái	0 - 10	
	Tổng cộng:	100	

Ghi chú: Thang điểm chấm theo hệ số 1,0